

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Công Huân.

2. Ông Vũ Hoài Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 314/2023/HSPT ngày 06 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo Lý Mộng L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2023/HS-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Lý Mộng L; sinh năm: 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: B T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: B13/26Y tổ B, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: buôn bán; giới tính nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; con ông: Lý Mộng N, và bà Nguyễn Thị H; có chồng và có 03 người con, lớn nhất sinh 2007, nhỏ nhất sinh 2018; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

2. Nguyễn Thị Dạ T; sinh năm: 1975, tại Thừa Thiên Huế; cư trú: 4 đường Số E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: thợ may; giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: phật giáo; con ông Nguyễn Xuân T1 và bà Nguyễn Thị H1, có chồng và có 03 con: lớn nhất sinh năm: 1994, nhỏ nhất sinh năm: 1999; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

3. Nguyễn Thị Y; sinh năm: 1980, tại: Kiên Giang; thường trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; cư trú: 42/24/47/3 đường Số E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: thợ may; giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Ú và bà Huỳnh Thị H2 có chồng và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

4. Phạm Thị N1; sinh năm: 1977, tại Bạc Liêu; thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; cư trú: 07 đường A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: phụ hồ; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: Phạm Gia H3 và bà Nguyễn Thị G; có chồng và 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

5. Phan Hoàng K; sinh năm: 2003, tại: Cà Mau; thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Cư trú: 07 đường A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: thợ may; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: Phan Văn L1 và bà Phạm Thị N1 (bị cáo trong cùng vụ án); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

6. Nguyễn Minh T2; sinh năm: 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: C L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: 471 H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: công nhân; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị L2; có chồng và 02 người con, lớn sinh 1997, nhỏ sinh 1999; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

7. Trần Đại V; sinh năm: 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: C L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: 471 H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: Trần Thanh C, và bà Nguyễn Minh T2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

8. Trần M; sinh năm 1981; tại: Thừa Thiên Huế; thường trú: Thôn H, xã X, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; cư trú: 2 đường Số E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: thợ may; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Trần T3 và bà Nguyễn Thị L3, có vợ và 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị N1 và bị cáo Phan Hoàng K: Ông Nguyễn Hoàng L4, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 02/02/2022, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an quận B phối hợp với Công an phường B tiến hành kiểm tra hành chính trước nhà số B Đường số E, khu phố F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình kiểm tra phát hiện 28 đối tượng gồm: Trương Hữu Thanh B, Đoàn Hữu P1, Lê Minh T4, Nguyễn Văn H4, Trần Ngọc H5, Trần M, Ứng Quốc P2, Phạm Thu T5, Thạch T6, Trần Đại V, Nguyễn Thị Dạ T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ngọc H6, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Y, Phạm Thị N1, Nguyễn Hoài Đ, Nguyễn Minh T2, Huỳnh Q, Lê Thị Diễm M1, Lý Kim Đ1, Lý Mộng L, Hoàng Thanh P3, Hồ Thị Thanh T7, Chung Tuấn P4, Võ Minh N3, Hồ Trung H7 và Phan Hoàng K đang đánh bài cào ba lá ăn tiền, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 18.500.000 đồng nên lực lượng chức năng đưa tất cả các đối tượng cùng vật chứng về Công an phường B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tổng số tiền ăn thua thu giữ trên chiếu bạc 18.500.000 đồng (trong đó 6.350.000 đồng là tiền đặt cược từ 11 tụ bài; 12.150.000 là tiền của các bị cáo P1, T4) và thu giữ trên người các bị cáo khác số tiền dùng để đánh bạc 23.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 41.900.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của bị cáo B là 500.000 đồng, của bị cáo P1 và T4 là 2.150.000 đồng.

Trong đó, hành vi đánh bạc của các bị cáo có kháng cáo được xác định như sau:

- Bị cáo Lý Mộng L hùn vào tụ bị cáo Q 100.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo L là 1.000.000 đồng;

- Bị cáo Nguyễn Thị Dạ T hùn vào tụ bị cáo P3 300.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo T là 1.500.000 đồng;

- Bị cáo Nguyễn Thị Y hùn vào tụ bị cáo P3 200.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo Y là 1.800.000 đồng;

- Bị cáo Trần M hùn vào tụ bị cáo P3 100.000 đồng.

- Bị cáo Phạm Thị N1 đặt số tiền 300.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo N1 là 2.000.000 đồng.

- Bị cáo Phan Hoàng K hùn vào tụ Nhanh 200.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo K là 100.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Minh T2 đặt số tiền 200.000 đồng,

- Bị cáo Trần Đại V hùn vào tụ bị cáo T2 200.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo V là 1.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 141/2023/HS-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

Xử phạt bị cáo Lý Mộng L 06 (S) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn tù tính kể ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Dạ T 09 (C1) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn tù tính kể ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y 06 (S) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn tù tính kể ngày bắt bị cáo chấp hành án

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N1 09 (Chín) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn tù tính kể ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng K 06 (S) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn tù tính kể ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 06 (S) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn tù tính kể ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Đại V 06 (S) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn tù tính kể ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần M 06 (S) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn tù tính kể ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 14/7/2023 các bị cáo Nguyễn Minh T2, Trần Đại V, Phan Hoàng K, Lý Mộng L, Phạm Thị N1, Nguyễn Thị Dạ T, Nguyễn Thị Y, Trần M kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ nhận định án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của các bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy đối với các bị cáo M, V, T2, K tham gia đánh bạc số tiền không lớn trong đó: Trần Đại V hùn vào tụ bị cáo T2 200.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo V là 1.000.000 đồng; bị cáo Phan Hoàng K hùn vào tụ Nhanh 200.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo K là 100.000 đồng; bị cáo Nguyễn Minh T2 đặt số tiền 200.000 đồng; bị cáo Trần M hùn vào tụ bị cáo P3 100.000 đồng; các bị cáo này phạm tội mang tính

nhất thời, tính chất mức độ thấp hơn các bị cáo L, T, N1, Y nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, V, T2, K cho các bị cáo này được hưởng án treo và không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo L, T, N1, Y.

+ Luật sư L4 tranh luận: không tranh luận về mặt tội danh, tuy nhiên mức hình phạt là có phần nghiêm khắc, vào ngày 02/2/2022 bị cáo N1 và K đi ăn về thì ghé vào chơi, không chủ động đánh bạc mà phạm tội mang tính chất nhất thời, không nhằm mục đích kiếm tiền; các bị cáo này hiện có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bản thân bị cáo N1 đang bị bệnh nặng, 02 bị cáo có mối quan hệ mẹ - con, hiện cha và chồng của các bị cáo cũng đang bị bệnh nặng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho các bị cáo được hưởng án treo.

+ Các bị cáo không tranh luận, nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình, có điều kiện chăm sóc con của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 14/7/2023 các bị cáo Nguyễn Minh T2, Trần Đại V, Phan Hoàng K, Lý Mộng L, Phạm Thị N1, Nguyễn Thị Dạ T, Nguyễn Thị Y, Trần M kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, cần chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 02/02/2022, trước nhà số B Đường số E, khu phố F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an quận B bắt quả tang 28 đối tượng đang đánh bài cào ba lá ăn tiền, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 18.500.000 đồng và thu giữ trên người các bị cáo khác số tiền dùng để đánh bạc 23.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 41.900.000 đồng.

Trong đó, hành vi đánh bạc của các bị cáo có kháng cáo được xác định như sau: bị cáo Phạm Thị N1 đặt số tiền 300.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo N1 là 2.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Y hùn vào tụ bị cáo P3 200.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo Y là 1.800.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Dạ T hùn vào tụ bị cáo P3 300.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo T là 1.500.000 đồng; bị cáo Lý Mộng L hùn vào tụ bị cáo Q 100.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo L là 1.000.000 đồng; bị cáo Trần Đại V hùn vào tụ bị cáo T2 200.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo V là 1.000.000 đồng; bị cáo Phan Hoàng K hùn vào tụ Nhanh 200.000 đồng, số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang của bị cáo K là 100.000 đồng; bị cáo Nguyễn Minh T2 đặt số tiền 200.000 đồng; bị cáo Trần M hùn vào tụ bị cáo P3 100.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Minh T2, Trần Đại V, Phan Hoàng K, Lý Mộng L, Phạm Thị N1, Nguyễn Thị Dạ T, Nguyễn Thị Y, Trần M về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T2, Trần Đại V, Phan Hoàng K, Lý Mộng L, Nguyễn Thị Dạ T, Trần M, Nguyễn Thị Y, Phạm Thị N1: Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này các bị cáo tham gia đánh bạc vào ngày mùng 2 tết âm lịch với quy mô, số tiền dùng vào đánh bạc không lớn. Hơn nữa các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong đó, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thị N1, Phan Hoàng K1 trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo Nguyễn Thị Dạ T trình bày hồ sơ bệnh án thể hiện đang bị ung thư hiện đang điều trị tại Bệnh viện Ung Bướu Thành phố H, bị cáo Lý Mộng L hiện đang mang thai; bị cáo Trần M trình bày tài liệu thể hiện gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, vợ bị cáo M hiện đang mang thai. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cần xem xét áp dụng cho các bị cáo, riêng bị cáo Lý Mộng L còn được áp dụng thêm tình tiết tình tiết người phạm tội là phụ nữ có thai theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo hiện đang ổn định cuộc sống, có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt. Căn cứ hướng dẫn tại Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cho các bị cáo được hưởng án treo, như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T2, Trần Đại V, Phan Hoàng K, Lý Mộng L, Phạm Thị N1, Nguyễn Thị Dạ T, Nguyễn Thị Y, Trần M, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm bảo chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T2, Trần Đại V, Phan Hoàng K, Lý Mộng L, Phạm Thị N1, Nguyễn Thị Dạ T, Nguyễn Thị Y, Trần M. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2023/HS-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Y** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị N1** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Dạ T** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Phan Hoàng K** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T2** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Trần Đại V** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Trần M** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

Xử phạt bị cáo **Lý Mộng L** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Nguyễn Minh T2, Trần Đại V, Phan Hoàng K, Lý Mộng L, Nguyễn Thị Dạ T, Trần M, Nguyễn Thị Y, Phạm Thị N1 có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn Minh T2, Trần Đại V, Phan Hoàng K, Lý Mộng L, Nguyễn Thị Dạ T, Trần M, Nguyễn Thị Y, Phạm Thị N1 thay đổi nơi cư trú sẽ được thực hiện theo Điều 92 luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về các vấn đề không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- P.PV 06 – CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (8)
- Người bào chữa; (1)
- TAND Q.Bình Tân; (2)
- Công an Q.Bình Tân ; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (8)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (30) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà.